

Số: 209/2025/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 23 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 286/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2024 về việc Chia tài sản chung sau ly hôn;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn H, sinh năm 1979

ĐKKH: Số 16, ngõ 3, phố H, tổ dân phố P 2, phường M, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ dân phố C 11, phường B, tỉnh Tuyên Quang;

- *Bị đơn:* Chị Lê V, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 16, ngõ 3, phố H, tổ dân phố P 2, phường M, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Công ty Luật TNHH K

Địa chỉ: MG4-09 Vincom, phố H, tổ dân phố P 13, phường M, tỉnh Tuyên Quang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ T, chức vụ: Giám đốc

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về tài sản chung:

Anh Nguyễn H được toàn quyền quyền sở hữu và sử dụng thửa đất số 179; tờ bản đồ số 10; diện tích 63m²; địa chỉ thửa đất: Tổ 3, phường P, thị xã Tuyên Quang (nay là tổ dân phố P 2, phường M, tỉnh Tuyên Quang); Đất đã được UBND thị xã Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 378012 ngày 28/02/2005 mang tên hộ ông Lê C và bà Lục P (anh Nguyễn H và chị Lê V đã đăng ký biến động ngày 13/7/2009 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Tuyên Quang) và nhà xây 3 tầng trên đất; nhà và đất có giá trị 3.200.000.000đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng).

Anh Nguyễn H có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch về tài sản cho chị Lê V số tiền 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

Trình hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.2. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn H và chị Lê V, mỗi người phải chịu số tiền 8.819.500đồng (Tám triệu tám trăm mười chín nghìn năm trăm đồng) chi phí thẩm định tại chỗ và chi phí định giá; Anh Nguyễn H đã nộp đủ số tiền này, chị Lê V có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn H số tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ và chi phí định giá mà anh Hưng đã nộp là 8.819.500đồng (Tám triệu tám trăm mười chín nghìn năm trăm đồng).

2.3. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn H phải chịu số tiền 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung, được trừ vào số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo lai số 0000269 ngày 06/12/2024 của Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Tuyên Quang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Tuyên Quang). Anh Nguyễn H phải nộp thêm số tiền 10.500.000đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị đơn chị Lê V phải chịu 31.500.000đồng (Ba một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQuang;
- VKSND Khu vực 1 - TQuang;
- THADS tỉnh TQuang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ TA.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương Giang